	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q
1	Trường	Hữu Nghị T78															
2	Học kỳ	1															
3	Năm học	2017-2018															
4																	
5																	
6																	
7																	
8	**Ngày**	**Tiết**	**10A6**	**10A7**	**10A8**	**10A9**	**10A10**	**11A1**	**11A2**	**11A3**	**11A4**	**11A5**	**11A6**	**11A7**	**11A8**	**11A9**	**11A10**
9	**Thứ 2**	**1**	TD - Huyền	Lý - Đại	GDQP - Hằng	Toán - Thạch	Lý - Sơn	Hóa - Bích.H	Địa - Bích.Đ	Hóa - Thúy.H	GDCD - Thủy	CN - Linh.CN	TD - Dũng	GDQP - Đô	Sinh - Ly	Hóa - Nga	Sử - Nguyệt.S
10		**2**	Tin - Khánh	TD - Huyền	Lý - Đại	Toán - Thạch	GDQP - Hằng	Toán - Nguyên	Văn - Thành.V	GDQP - Đô	Hóa - Bích.H	GDCD - Thủy	Anh - Thu.A	Anh - Thúy.A	TD - Dũng	Địa - Bích.Đ	Hóa - Nga
11		**3**	Toán - Hiếu.T	Toán - Thạch	Tin - Khánh	TD - Huyền	Văn - Linh.V	Toán - Nguyên	Văn - Thành.V	Sử - Nguyệt.S	Sinh - S.Hà	Lý - Đại	Anh - Thu.A	Anh - Thúy.A	Anh - Huyền.B	TD - Dũng	Văn - Nhung.V
12		**4**	Toán - Hiếu.T	Tin - Khánh	Sử - Thúy.S	Tin - Hoàng	Văn - Linh.V	Sinh - S.Hà	TD - Duyên	Văn - Khánh.V	CN - Hương.CN	Lý - Đại	Sử - Nguyệt.S	Toán - Thạch	Anh - Huyền.B	Văn - Thơm	Văn - Nhung.V
13		**5**	CC - Khánh	CC - Hà.H	CC - Thúy.S	CC - Thảo.V	CC - Hương.M	CC - Duyên	CC - Loan	CC - Hương.CN	CC - An	CC - Hoàng	CC - S.Hà	CC - Thơm	CC - Huyền.B	CC - Luyến	CC - Nguyệt.S
14	**Thứ 3**	**1**	Địa - T.Huệ	Sinh - Ly	Tin - Khánh	Hóa - Bích.H	CN - S.Hà	Lý - Bảng	Văn - Thành.V	Hóa - Thúy.H	TD - Duyên	Toán - Phương	Văn - Tuân	Toán - Thạch	Toán - Bình	Anh - Thu.A	Địa - Bích.Đ
15		**2**	Địa - T.Huệ	Tin - Khánh	TD - Huyền	Văn - Thảo.V	Toán - Thanh.T	TD - Duyên	Hóa - Bích.H	Văn - Khánh.V	Địa - Bích.Đ	Văn - Thành.V	Văn - Tuân	Toán - Thạch	Toán - Bình	Toán - Luyến	Sinh - Ly
16		**3**	Văn - Linh.V	GDCD - Hiếu	TD - Huyền	Văn - Thảo.V	Toán - Thanh.T	Sử - Hương.S	CN - Vân	Văn - Khánh.V	Toán - Phương	Văn - Thành.V	Tin - Linh.T	Địa - Bích.Đ	TD - Dũng	Toán - Luyến	Toán - Bình
17		**4**	Văn - Linh.V	Toán - Thạch	GDCD - Hiếu	TD - Huyền	Anh - An	CN - Vân	Sử - Hương.S	Toán - Phương	Văn - Thảo.V	Địa - Bích.Đ	GDCD - Thủy	Tin - Linh.T	Văn - Khánh.V	TD - Dũng	Toán - Bình
18		**5**	Lý - Thanh.L	Văn - Linh.V	Toán - Thạch	Anh - An	GDCD - Hiếu										
19	**Thứ 4**	**1**	Sử - Hương.M	CN - T.Hà	Địa - T.Huệ	Toán - Thạch	TD - Huyền	Lý - Bảng	GDCD - Thủy	Tin - Linh.T	TD - Duyên	Hóa - Giang	Lý - Đại	Sử - Nguyệt.S	Văn - Khánh.V	Anh - Thu.A	Toán - Bình
20		**2**	TD - Huyền	Toán - Thạch	CN - T.Hà	Sử - Hương.M	Địa - T.Huệ	GDCD - Thủy	Tin - Linh.T	Lý - Bảng	Toán - Phương	TD - Duyên	Hóa - Giang	Lý - Đại	Văn - Khánh.V	Sử - Nguyệt.S	Anh - Thu.A
21		**3**	Anh - Hằng.A	Toán - Thạch	Anh - Hương.A	Lý - Sơn	Hóa - Bích.H	Tin - Linh.T	Anh - Điệp	Toán - Phương	Lý - Đại	Anh - Thúy.A	Anh - Thu.A	Sinh - Ly	Sử - Nguyệt.S	Hóa - Nga	GDQP - Đô
22		**4**	Anh - Hằng.A	Lý - Đại	Anh - Hương.A	Hóa - Bích.H	Sinh - Ly	Anh - Thúy.A	Anh - Điệp	Toán - Phương	Tin - Linh.T	Sinh - S.Hà	GDQP - Đô	Toán - Thạch	Anh - Huyền.B	Toán - Luyến	Hóa - Nga
23		**5**															
24	**Thứ 5**	**1**	GDCD - Hiếu	Anh - Hương.A	Hóa - Hà.H	GDQP - Hằng	TD - Huyền	Anh - Thúy.A	Văn - Thành.V	Toán - Phương	Hóa - Bích.H	Hóa - Giang	Lý - Đại	CN - Linh.CN	Hóa - Thúy.H	Anh - Thu.A	Văn - Nhung.V
25		**2**	Anh - Hằng.A	TD - Huyền	Toán - Thạch	Anh - An	Hóa - Bích.H	Văn - Thơm	Toán - Nguyên	Anh - Thúy.A	Toán - Phương	Văn - Thành.V	Hóa - Giang	Lý - Đại	Hóa - Thúy.H	Anh - Thu.A	Văn - Nhung.V
26		**3**	Anh - Hằng.A	GDQP - Hằng	Toán - Thạch	Anh - An	Văn - Linh.V	Văn - Thơm	Toán - Nguyên	Anh - Thúy.A	Toán - Phương	Văn - Thành.V	Địa - Bích.Đ	Hóa - Giang	GDCD - Thủy	GDQP - Đô	Anh - Thu.A
27		**4**	GDQP - Hằng	Văn - Linh.V	Văn - Minh	Địa - T.Huệ	Anh - An	Toán - Nguyên	GDQP - Đô	Địa - Bích.Đ	Văn - Thảo.V	Anh - Thúy.A	Toán - Phương	Hóa - Giang	Lý - Đại	Văn - Thơm	GDCD - Thủy
28		**5**	Lý - Thanh.L	Văn - Linh.V	Văn - Minh	Văn - Thảo.V	Địa - T.Huệ										
29	**Thứ 6**	**1**	Sinh - Ly	Anh - Hương.A	Hóa - Hà.H	Anh - An	Toán - Thanh.T	Anh - Thúy.A	Anh - Điệp	Văn - Khánh.V	Lý - Đại	TD - Duyên	Văn - Tuân	TD - Dũng	GDQP - Đô	Văn - Thơm	Lý - Loan
30		**2**	Hóa - Bích.H	Hóa - Hà.H	Anh - Hương.A	Sinh - Ly	Toán - Thanh.T	Anh - Thúy.A	Anh - Điệp	TD - Duyên	Anh - An	Toán - Phương	Văn - Tuân	TD - Dũng	Văn - Khánh.V	Văn - Thơm	Lý - Loan
31		**3**	Hóa - Bích.H	Văn - Linh.V	Anh - Hương.A	CN - S.Hà	Sử - Hương.M	Văn - Thơm	Lý - Loan	Anh - Thúy.A	Anh - An	Toán - Phương	TD - Dũng	GDCD - Thủy	Toán - Bình	Toán - Luyến	Tin - Hoàng
32		**4**	Văn - Linh.V	Địa - T.Huệ	Văn - Minh	Lý - Sơn	Tin - Hoàng	Địa - Bích.Đ	Hóa - Bích.H	Sinh - S.Hà	Văn - Thảo.V	Anh - Thúy.A	Toán - Phương	Văn - Thơm	Toán - Bình	GDCD - Thủy	TD - Dũng
33		**5**	Văn - Linh.V	Địa - T.Huệ	Văn - Minh	GDCD - Hiếu	Lý - Sơn	Hóa - Bích.H	Sinh - S.Hà	GDCD - Thủy	Văn - Thảo.V	Anh - Thúy.A	Toán - Phương	Văn - Thơm	Địa - Bích.Đ	Tin - Hoàng	Toán - Bình
34	**Thứ 7**	**1**	CN - T.Hà	Anh - Hương.A	Địa - T.Huệ	Tin - Hoàng	Văn - Linh.V	GDQP - Đô	Toán - Nguyên	Lý - Bảng	Anh - An	Toán - Phương	Anh - Thu.A	Anh - Thúy.A	Lý - Đại	CN - Linh.CN	TD - Dũng
35		**2**	Toán - Hiếu.T	Anh - Hương.A	Lý - Đại	Địa - T.Huệ	Tin - Hoàng	Văn - Thơm	Toán - Nguyên	TD - Duyên	Anh - An	GDQP - Đô	Toán - Phương	Anh - Thúy.A	CN - Linh.CN	Lý - Loan	Anh - Thu.A
36		**3**	Toán - Hiếu.T	Sử - Hương.M	Sinh - Ly	Toán - Thạch	Anh - An	Toán - Nguyên	TD - Duyên	Anh - Thúy.A	GDQP - Đô	Sử - Nguyệt.S	CN - Linh.CN	Văn - Thơm	Tin - Hoàng	Lý - Loan	Anh - Thu.A
37		**4**	Tin - Khánh	Hóa - Hà.H	Toán - Thạch	Văn - Thảo.V	Anh - An	TD - Duyên	Lý - Loan	CN - Hương.CN	Sử - Nguyệt.S	Tin - Hoàng	Sinh - S.Hà	Văn - Thơm	Anh - Huyền.B	Sinh - Ly	CN - Linh.CN
38		**5**	SH - Khánh	SH - Hà.H	SH - Thúy.S	SH - Thảo.V	SH - Hương.M	SH - Duyên	SH - Loan	SH - Hương.CN	SH - An	SH - Hoàng	SH - S.Hà	SH - Thơm	SH - Huyền.B	SH - Luyến	SH - Nguyệt.S
39																	

Thời khóa biểu lớp

Buổi chiều

Áp dụng từ ngày 13/11/2017